

Số: **65** /NQ-HĐND

Buôn Ma Thuột, ngày **07** tháng 03 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Về điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025
nguồn vốn ngân sách địa phương thành phố Buôn Ma Thuột**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT
KHÓA XII, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 13/8/2021 của HĐND tỉnh Đắk Lắk quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 13/8/2021 của HĐND tỉnh Đắk Lắk cho ý kiến về dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 tỉnh Đắk Lắk (lần 2);

Căn cứ Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 29/12/2021 của HĐND thành phố về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương thành phố Buôn Ma Thuột; Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 14/04/2022; Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 20/07/2022, Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 02/11/2022 và Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 28/12/2022 của HĐND thành phố về điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách địa phương thành phố Buôn Ma Thuột;

Sau khi xem xét Tờ trình số 31/TTr-UBND ngày 28/02/2023 của UBND Thành phố về việc đề nghị ban hành Nghị quyết về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn thành phố Buôn Ma Thuột giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách địa phương và Tờ trình số 37/TTr-UBND ngày 04/03/2023 của UBND thành phố về việc đề nghị điều chỉnh, bổ sung một phần Tờ trình số 29/TTr-UBND ngày 28/02/2023 và đính chính một phần nội dung Tờ trình số 31/TTr-UBND ngày 28/02/2023; Báo cáo thẩm tra số 412/BC-HĐND ngày 06/03/2023 của Ban Kinh tế - Xã hội; Ý kiến thảo luận của Đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Tán thành và thông qua điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách địa phương thành phố Buôn Ma Thuột, cụ thể như sau:

1. Bổ sung nguồn thu giai đoạn 2021-2025:

Bổ sung tổng nguồn thu là 701.384 triệu đồng, trong đó ngân sách thành phố được hưởng để đầu tư là 609.932 triệu đồng, gồm: ngân sách Trung ương bổ sung 228.300 triệu đồng, tăng thu tiền sử dụng đất năm 2022 và kết dư là 381.632 triệu đồng.

Tổng nguồn thu thành phố được hưởng để đầu tư sau khi bổ sung là 6.043.651 triệu đồng, trong đó: Tiền sử dụng đất 5.760.271 triệu đồng, ngân sách tỉnh hỗ trợ 42.000 triệu đồng, ngân sách Trung ương bổ sung 228.300 triệu đồng, huy động và tài trợ khác 13.080 triệu đồng.

2. Điều chỉnh, bổ sung phân bổ kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025:

a) Bổ sung phân bổ nguồn ngân sách Trung ương: 228.300 triệu đồng, trong đó:

- Lĩnh vực giáo dục 128.200 triệu đồng (*trong đó: chuyển sử dụng nguồn cho 24 dự án là 87.200 triệu đồng, bố trí cho 07 công trình mới là 41.000 triệu đồng*).

- Đầu tư công trình cho các xã đạt tiêu chí nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu 55.700 triệu đồng.

- Đầu tư, cải tạo, nâng cấp công trình giao thông và quản lý nhà nước tại các phường trung tâm 44.400 triệu đồng.

(Trong đó có 03 dự án giao thông nông thôn và 03 dự án công viên cây xanh chuyển từ kế hoạch năm 2025 về năm 2023)

b) Điều chỉnh phân bổ nguồn tiền sử dụng đất: 276.542 triệu đồng, trong đó:

- Điều chỉnh, bổ sung tăng: 363.742 triệu đồng, gồm:

- + Bổ sung 117.577 triệu đồng cho 13 dự án giáo dục đã phê duyệt chủ trương đầu tư.

- + Đầu tư công trình cho các xã đạt tiêu chí nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu 28.373 triệu đồng.

- + Đầu tư, cải tạo, nâng cấp công trình giao thông và quản lý nhà nước tại các phường trung tâm 214.410 triệu đồng (*Trong đó có 01 dự án công viên cây xanh chuyển từ kế hoạch năm 2025 về năm 2023*).

- + Bổ sung các dự án giáo dục sau khi điều chỉnh giảm tỷ lệ huy động: 3.382 triệu đồng.

- Điều chỉnh giảm: 87.200 triệu đồng đối với các dự án giáo dục chuyển sang sử dụng nguồn ngân sách Trung ương bổ sung tại điểm a nêu trên.

3. Kế hoạch đầu tư công trung hạn sau khi điều chỉnh, bổ sung:

Tổng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 là 6.043.651 triệu đồng, trong đó:

- Số đã phân bổ đã phân bổ là 5.573.083 triệu đồng, trong đó: Tiền sử dụng đất 5.293.203 triệu đồng, ngân sách tỉnh hỗ trợ 38.500 triệu đồng, ngân sách Trung ương bổ sung 228.300 triệu đồng, huy động và tài trợ khác 13.080 triệu đồng.
- Số vốn để dự phòng chưa phân bổ là 470.568 triệu đồng, trong đó: ngân sách tỉnh hỗ trợ 3.500 triệu đồng, tiền sử dụng đất 467.068 triệu đồng.

Giao UBND thành phố tiếp tục rà soát các nội dung phát sinh, trình HĐND thành phố phân bổ chi tiết tại kỳ họp tiếp theo bảo đảm theo quy định.

(Có phụ lục chi tiết 1, 2 và 2a, 2b, 2c, 2d kèm theo)

Điều 2. Tổ chức triển khai thực hiện:

- Giao Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này và báo cáo tại các kỳ họp của Hội đồng nhân dân thành phố.
- Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và Đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết.
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố, phường, xã chủ trì, phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội và các cơ quan liên quan nêu cao vai trò giám sát đầu tư của cộng đồng, thực hiện theo chức năng được quy định tại Điều 74, 75 Luật Đầu tư công năm 2019.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột khóa XII, kỳ họp Chuyên đề thông qua ngày 07 tháng 03 năm 2023 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- TT HĐND tỉnh, UBND tỉnh (báo cáo);
- TT Thành ủy (báo cáo);
- Các Sở: KH&ĐT, TC;
- Các phòng: TC-KH, QLĐT, KT, GD&ĐT, Tư pháp, TNMT;
- Ban QLDA ĐTXD TP;
- TT PTQĐ TP;
- VP HĐND và UBND TP;
- TT HĐND các phường, xã;
- Lưu: VT(60b).



Từ Thái Giang

Phụ lục 1:
NGUỒN THU ĐỀ ĐẦU TƯ CÔNG GIAI ĐOẠN 2021-2025 - SAU KHI BỔ SUNG
(Kèm theo Nghị quyết số: **65** /NQ-HĐND ngày 07/03/2023 của UBND thành phố)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nguồn thu	Dự toán tinh giao			Dự toán thành phố thực hiện (theo Nghị quyết 59/NQ-HĐND - 28/12/2022)			Bổ sung nguồn thu	Dự toán thành phố thực hiện sau khi bổ sung nguồn thu			Ghi chú
		Tổng cộng	Trích lập các Quỹ và phân chia với Tỉnh	Nguồn thành phố được hưởng để đầu tư công	Tổng cộng	Trích lập các Quỹ và phân chia với Tỉnh	Nguồn thành phố được hưởng để đầu tư công		Tổng cộng	Trích lập các Quỹ và phân chia với Tỉnh	Nguồn thành phố được hưởng để đầu tư công	
	TỔNG CỘNG	3.642.000	960.000	2.682.000	7.121.215	1.687.496	5.433.719	701.384	7.822.599	1.778.948	6.043.651	
1	Tiền sử dụng đất	3.600.000	960.000	2.640.000	7.066.135	1.687.496	5.378.639	473.084	7.539.219	1.778.948	5.760.271	
1a	Thực hiện giai đoạn 2021-2025	3.600.000	960.000	2.640.000	6.969.400	1.649.090	5.320.310	-	6.969.400	1.649.090	5.320.310	
a	Năm 2021 (NSTP hưởng 50%)	800.000	400.000	400.000	850.700	425.350	425.350	-	850.700	425.350	425.350	
b	Năm 2022 đến năm 2025 (NSTP hưởng 80%, sau khi trích lập các Quỹ 20%)	2.800.000	560.000	2.240.000	6.118.700	1.223.740	4.894.960		6.118.700	1.223.740	4.894.960	
	- Năm 2022				1.018.700	203.740	814.960		1.018.700	203.740	814.960	
	- Năm 2023				1.700.000	340.000	1.360.000		1.700.000	340.000	1.360.000	
	- Năm 2024				1.700.000	340.000	1.360.000		1.700.000	340.000	1.360.000	
	- Năm 2025				1.700.000	340.000	1.360.000		1.700.000	340.000	1.360.000	
1b	Nguồn vốn bổ sung kế hoạch trung hạn	-	-	-	96.735	38.406	58.329	473.084	569.819	129.858	439.961	
	- Tăng thu tiền sử dụng đất năm 2021				76.811	38.406	38.405		76.811	38.406	38.405	
	- Tăng thu tiền sử dụng đất năm 2022							457.262	457.262	91.452	365.810	
	- Thu hồi tiền sử dụng đất đã ứng cho chi thường xuyên				9.924		9.924		9.924		9.924	
	- Thu kết dư do hủy bỏ kế hoạch vốn và quyết toán giảm khối lượng				10.000		10.000	15.822	25.822		25.822	
2	Ngân sách trung ương bổ sung							228.300	228.300		228.300	
3	Ngân sách Tỉnh hỗ trợ (bổ sung mục tiêu)	42.000	-	42.000	42.000	-	42.000		42.000	-	42.000	
a	Đầu tư trường học đạt chuẩn theo NQ 22/2020/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	17.500		17.500	17.500		17.500		17.500		17.500	
b	Đầu tư công trình nông thôn mới theo cơ chế thông thường (05 công trình)	24.500		24.500	24.500		24.500		24.500		24.500	
4	Nguồn huy động, tài trợ khác				13.080		13.080		13.080		13.080	(chi tiết theo NQ 59/NQ-HĐND - 28/12/2022)

Phụ lục 2:
PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN ĐOẠN 2021-2025
NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ SAU ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG

(Kèm theo Nghị quyết số: **65** /NQ-HĐND ngày 07/03/2023 của UBND thành phố)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Phương án phân bổ (theo Nghị quyết 59/NQ-HĐND - 28/12/2022)	Điều chỉnh, bổ sung	Phương án phân bổ sau điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
	TỔNG CỘNG	5.433.719	609.932	6.043.651	
Phần 1	Số thực hiện phân bổ	5.068.241	504.842	5.573.083	
A	Nguồn ngân sách Trung ương bổ sung	-	228.300	228.300	
1	Đầu tư lĩnh vực giáo dục		128.200	128.200	
2	Đầu tư công trình cho các xã đạt tiêu chí nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu		55.700	55.700	
3	Đầu tư, cải tạo, nâng cấp công trình giao thông và quản lý nhà nước tại các phường trung tâm		44.400	44.400	
B	Nguồn ngân sách tỉnh bổ sung	38.500	-	38.500	
1	Đầu tư trường học đạt chuẩn theo NQ 22/2020/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	14.000		14.000	
2	Đầu tư công trình nông thôn mới theo cơ chế thông thường (05 công trình)	24.500		24.500	
C	Nguồn thu tiền sử dụng đất	5.016.661	276.542	5.293.203	
I	Bố trí vốn cho các dự án hoàn thành, chuyển tiếp giai đoạn 2016-2020 chuyển sang	199.951		199.951	
II	Bố trí để thực hiện thanh toán nợ và chuyển tiếp cho các công trình quy hoạch, duy tu, xây dựng thường xuyên có tính chất đầu tư thực hiện từ năm 2020 trở về trước	18.650		18.650	
III	Hoàn trả tiền sử dụng đất còn nợ Quỹ phát triển nhà - đất từ năm 2017 trở về trước	62.399		62.399	

TT	Danh mục dự án	Phương án phân bổ (theo Nghị quyết 59/NQ-HĐND - 28/12/2022)	Điều chỉnh, bổ sung	Phương án phân bổ sau điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
IV	Kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng các dự án trọng điểm	500.000		500.000	
V	Kinh phí lập quy hoạch	54.348		54.348	
VI	Dự án dự kiến khởi công mới giai đoạn 2021-2025	2.976.800	276.542	3.253.342	
1	Vốn dành cho các dự án trọng điểm và các dự án cần quan tâm mở mới giai đoạn 2021-2025	1.600.000		1.600.000	
-	<i>Các dự án trọng điểm; Cải tạo dòng suối</i>	<i>1.425.000</i>		<i>1.425.000</i>	
-	<i>Các dự án cần quan tâm</i>	<i>175.000</i>		<i>175.000</i>	
2	Các dự án khởi công mới khác theo nhu cầu của phường, xã và các cơ quan, đơn vị	1.376.800	276.542	1.653.342	
VII	Dự án hạ tầng tạo vốn từ quỹ đất (gồm: chi phí đầu tư, chi phí ứng vốn từ Quỹ phát triển Nhà - Đất tỉnh và các chi phí liên quan)	1.175.520		1.175.520	
VIII	Lát đá vỉa hè thực hiện theo Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND thành phố	28.993		28.993	
D	Nguồn huy động, tài trợ khác	13.080		13.080	
Phần 2	Dự phòng, gồm:	365.478	105.090	470.568	
I	Nguồn ngân sách tỉnh bổ sung	3.500		3.500	Để phân bổ cho trường chuẩn năm 2025
II	Nguồn thu tiền sử dụng đất	361.978	105.090	467.068	Trong đó: Số vốn đối ứng kinh phí cùng với nhân dân cải tạo lại các tuyến vỉa hè theo Nghị quyết thí điểm của HĐND thành phố (dự kiến là 50.000 trđ, đã phân bổ 28.993 trđ)

Phụ lục 2a: ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN CÁC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH - LĨNH VỰC GIÁO DỤC

(Kèm theo Nghị quyết số: **65** /NQ-HĐND ngày 07/03/2023 của UBND thành phố)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Điều chỉnh, bổ sung KH trung hạn			Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh bổ sung			Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng cộng	Trong đó		Tổng cộng	Trong đó		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách TP			Tiền SD đất	NSTW bổ sung		Tiền SD đất	NSTW bổ sung	
1	2	3	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	Tổng cộng				288.862	285.325	126.748	158.577	30.377	128.200	285.325	157.125	128.200	
I	Điều chỉnh nguồn vốn phân bổ				130.285	126.748	126.748	-	(87.200)	87.200	126.748	39.548	87.200	
1	Trường Tiểu học Phan Đăng Lưu; Hạng mục: Nhà ăn, nhà bán trú và cải tạo nhà lớp học 08 phòng, sân trường	Phường Ea Tam	UBND phường Ea Tam	10249/QĐ-UBND - 15/12/2022	6.000	5.800	5.800	-	(4.100)	4.100	5.800	1.700	4.100	
2	Trường Tiểu học Nguyễn Bá Ngọc; Hạng mục: Nhà lớp học 08 phòng và 02 phòng chức năng	Phường Tân An	UBND phường Tân An	10247/QĐ-UBND - 15/12/2022	6.000	5.800	5.800	-	(4.100)	4.100	5.800	1.700	4.100	
3	Trường THCS Trần Hưng Đạo; Hạng mục: Nhà lớp học bộ môn 06 phòng và phòng làm việc	Phường Ea Tam	Ban QLDA ĐTXD TP		7.000	7.000	7.000	-	(4.900)	4.900	7.000	2.100	4.900	
4	Trường Tiểu học Kim Đồng; Hạng mục: Nhà lớp học 08 phòng và nhà ăn, nhà bán trú	Phường Tân Hòa	Ban QLDA ĐTXD TP		10.500	10.300	10.300	-	(7.000)	7.000	10.300	3.300	7.000	
5	Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng; Hạng mục: Cải tạo, sửa chữa sân, tường rào và khu giáo dục thể chất	Phường Khánh Xuân	UBND phường Khánh Xuân		1.050	1.000	1.000	-	(700)	700	1.000	300	700	
6	Trường Tiểu học Ngô Gia Tự; Hạng mục: Nhà lớp học 08 phòng	Phường Khánh Xuân	UBND phường Khánh Xuân		4.800	4.650	4.650	-	(3.300)	3.300	4.650	1.350	3.300	
7	Trường Tiểu học Trần Cao Vân; Hạng mục: Khu bếp ăn, nhà bán trú và cải tạo 05 phòng học	Phường Khánh Xuân	UBND phường Khánh Xuân		5.500	5.300	5.300	-	(3.700)	3.700	5.300	1.600	3.700	
8	Trường Tiểu học Trần Quốc Toản; Hạng mục: Nhà lớp học 08 phòng và sửa chữa nhà đa năng	Phường Tân Hòa	UBND phường Tân Hòa		5.500	5.300	5.300	-	(3.700)	3.700	5.300	1.600	3.700	
9	Trường Mầm non Tân Lập; HM: Nhà lớp học, phòng chức năng, dạy nhạc và hạ tầng kỹ thuật	Phường Tân Lập	UBND phường Tân Lập		7.150	7.000	7.000	-	(3.500)	3.500	7.000	3.500	3.500	
10	Trường THCS Đoàn Thị Điểm; Hạng mục: Nhà bộ môn 06 phòng	UBND phường Tân Thành	UBND phường Tân Thành		4.800	4.600	4.600	-	(3.200)	3.200	4.600	1.400	3.200	
11	Trường Tiểu học Trần Phú; Hạng mục: Nhà ăn, nhà lớp học 04 phòng	Phường Thành Công	UBND phường Thành Công		5.850	5.553	5.553	-	(3.900)	3.900	5.553	1.653	3.900	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Điều chỉnh, bổ sung KH trung hạn			Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh bổ sung			Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng cộng	Trong đó		Tổng cộng	Trong đó		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách TP			Tiền SD đất	NSTW bổ sung		Tiền SD đất	NSTW bổ sung	
1	2	3	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
12	Trường Tiểu học Hoàng Hoa Thám; Hạng mục: Nhà hiệu bộ và nhà lớp học 08 phòng	UBND phường Thành Nhất	UBND phường Thành Nhất		8.000	7.750	7.750	-	(5.400)	5.400	7.750	2.350	5.400	
13	Trường Tiểu học Nơ Trang Long; Hạng mục: Nhà lớp học 06 phòng	Xã Cư Êbur	UBND xã Cư Êbur		4.400	4.200	4.200	-	(2.900)	2.900	4.200	1.300	2.900	
14	Trường Mầm non Ea Tu, Hạng mục: Nhà lớp học 06 phòng, phòng đa chức năng, phòng giáo dục thể chất, nhà bếp, nhà kho, phòng bảo vệ	Xã Ea Tu	UBND xã Ea Tu		11.160	11.160	11.160	-	(7.800)	7.800	11.160	3.360	7.800	
15	Trường Tiểu học Bùi Thị Xuân; Hạng mục: Nhà ăn, nhà bán trú	Xã Hòa Khánh	UBND xã Hòa Khánh		5.000	4.750	4.750	-	(3.300)	3.300	4.750	1.450	3.300	
16	Trường THCS Đoàn Kết; Hạng mục: Nhà hiệu bộ	Xã Hòa Khánh	UBND xã Hòa Khánh		3.200	3.200	3.200	-	(2.200)	2.200	3.200	1.000	2.200	
17	Trường THCS Hòa Khánh; Hạng mục: Nhà hiệu bộ	UBND xã Hòa Khánh	UBND xã Hòa Khánh		3.900	3.795	3.795	-	(2.700)	2.700	3.795	1.095	2.700	
18	Trường Tiểu học Y Wang; Hạng mục: Nhà hiệu bộ	UBND xã Hòa Khánh	UBND xã Hòa Khánh		3.600	3.420	3.420	-	(2.400)	2.400	3.420	1.020	2.400	
19	Trường THCS Hòa Phú; Hạng mục: Sửa chữa nhà lớp học, nhà bộ môn và cổng, tường rào, khu giáo dục thể chất	UBND xã Hòa Phú	UBND xã Hòa Phú		2.600	2.600	2.600	-	(1.800)	1.800	2.600	800	1.800	
20	Trường Tiểu học Nguyễn Thị Minh Khai; Hạng mục: Nhà ăn, nhà bán trú và nhà lớp học 04 phòng	UBND xã Hòa Phú	UBND xã Hòa Phú		6.475	6.225	6.225	-	(4.400)	4.400	6.225	1.825	4.400	
21	Trường MN Hòa Thắng (Điểm học thôn 9); Hạng mục: Nhà lớp học 06 phòng và khối phòng hành chính	Xã Hòa Thắng	UBND xã Hòa Thắng		3.900	3.900	3.900	-	(2.700)	2.700	3.900	1.200	2.700	
22	Trường Tiểu học Nguyễn Du; Hạng mục: Nhà lớp học 08 phòng	Xã Hòa Thắng	UBND xã Hòa Thắng		4.800	4.700	4.700	-	(3.300)	3.300	4.700	1.400	3.300	
23	Trường Tiểu học Nguyễn Trãi; Hạng mục: Nhà ăn và nhà bán trú	UBND xã Hòa Thuận	UBND xã Hòa Thuận		5.700	5.500	5.500	-	(3.900)	3.900	5.500	1.600	3.900	
24	Trường Mầm non Hòa Xuân; Hạng mục: Nhà lớp học 04 phòng	UBND xã Hòa Xuân	UBND xã Hòa Xuân		3.400	3.245	3.245	-	(2.300)	2.300	3.245	945	2.300	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Điều chỉnh, bổ sung KH trung hạn			Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh bổ sung			Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng cộng	Trong đó		Tổng cộng	Trong đó		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách TP			Tiền SD đất	NSTW bổ sung		Tiền SD đất	NSTW bổ sung	
1	2	3	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
II	Bổ sung kế hoạch vốn trung hạn				158.577	158.577	-	158.577	117.577	41.000	158.577	117.577	41.000	
1	Trường THCS Phan Chu Trinh; Hạng mục: Xây mới nhà lớp học, nhà đa năng, nhà bảo vệ, Garaxe; Cải tạo mở rộng các nhà lớp học, nhà bộ môn và hạ tầng kỹ thuật	Phường Thắng Lợi	Ban QLDA ĐTXD TP		35.000	35.000		35.000	35.000	-	35.000	35.000	-	
2	Trường THPT Lê Quý Đôn, Hạng mục: Nhà Đa năng, nhà lớp học bộ môn	Phường Tân Lợi	Ban QLDA ĐTXD TP		14.985	14.985		14.985	6.485	8.500	14.985	6.485	8.500	
3	Trường THCS Trần Hưng Đạo; Hạng mục: Xây mới nhà hiệu bộ, nhà đa năng, nhà cầu nối, nhà vệ sinh, nhà để xe học sinh, nhà bảo vệ, giếng khoan; cải tạo sân, hạ tầng kỹ thuật	Phường Ea Tam	Ban QLDA ĐTXD TP		14.800	14.800		14.800	14.800	-	14.800	14.800	-	
4	Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng; Hạng mục: Xây mới nhà đa năng, nhà vệ sinh, nhà bảo vệ, cải tạo sân và hạ tầng kỹ thuật	Phường Khánh Xuân	Ban QLDA ĐTXD TP		7.500	7.500		7.500	7.500	-	7.500	7.500	-	
5	Trung tâm GDNN - GDTX thành phố Buôn Ma Thuột; Hạng mục: Xây mới nhà lớp học 8 phòng + hội trường 3 tầng, nhà để xe; cải tạo nhà lớp học 16 phòng, nhà lớp học 8 phòng và hạ tầng kỹ thuật	Phường Tân An	Ban QLDA ĐTXD TP		13.300	13.300		13.300	13.300	-	13.300	13.300	-	
6	Trường THCS Nguyễn Thị Minh Khai; Hạng mục: Nhà hiệu bộ 02 tầng, nhà vệ sinh học sinh, sân và HTKT	Phường Tân An	UBND phường Tân An		8.420	8.420		8.420	3.120	5.300	8.420	3.120	5.300	
7	Trường Tiểu học Lê Văn Tám; Hạng mục: Nâng cấp sân, tường rào, nhà hiệu bộ, nhà lớp học 08 phòng, nhà vệ sinh	Phường Tân Thành	UBND phường Tân Thành		4.200	4.200		4.200	1.200	3.000	4.200	1.200	3.000	
8	Trường THCS Lạc Long Quân; Hạng mục: Cải tạo, sửa chữa 03 dãy nhà lớp học 2 tầng, nhà bảo vệ, ram dốc, sân, tường rào	Phường Tân Tiến	UBND phường Tân Tiến		7.500	7.500		7.500	7.500	-	7.500	7.500	-	
9	Trường THCS Hàm Nghi; Hạng mục: Xây mới nhà lớp học 8 phòng, nhà đa năng; Cải tạo nhà lớp học, sân, công tường rào và HTHT	Xã Cư Êbur	UBND xã Cư Êbur		20.000	20.000		20.000	10.500	9.500	20.000	10.500	9.500	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Điều chỉnh, bổ sung KH trung hạn			Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh bổ sung			Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng cộng	Trong đó		Tổng cộng	Trong đó		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách TP			Tiền SD đất	NSTW bổ sung		Tiền SD đất	NSTW bổ sung	
1	2	3	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
10	Trường Tiểu học La Văn Cầu; hạng mục: Xây mới Nhà lớp học bộ môn và khu hành chính, nhà cầu nối cải tạo sân trường và hạ tầng kỹ thuật	Xã Ea Kao	UBND xã Ea Kao		9.402	9.402		9.402	3.802	5.600	9.402	3.802	5.600	
11	Trường Tiểu học Phú Thái; hạng mục: Xây dựng nhà bếp ăn và bán trú,nhà vệ sinh, nhà để xe, nhà bảo vệ, sân trường; cải tạo, sửa chữa nhà hiệu bộ, tường rào mặt trước trường	Xã Hòa Phú	UBND xã Hòa Phú		8.500	8.500		8.500	8.500	-	8.500	8.500	-	
12	Trường THCS Nguyễn Chí Thanh; Hạng mục: nhà đa năng, nhà vệ sinh, hàng rào, sân và sửa chữa dãy nhà 20 phòng học	Xã Hòa Thắng	UBND xã Hòa Thắng		9.970	9.970		9.970	3.970	6.000	9.970	3.970	6.000	
13	Trường THCS Trần Quang Diệu; Hạng mục: Cải tạo, sửa chữa nhà bộ môn, nhà vệ sinh, tường rào giáp nhà dân, sân trường và hệ thống thoát nước; xây dựng mới nhà vệ sinh dãy nhà lớp học	Xã Hòa Thuận	UBND xã Hòa Thuận		5.000	5.000		5.000	1.900	3.100	5.000	1.900	3.100	

Phụ lục 2b: BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN - XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO VÀ KIỂU MẪU CÁC XÃ
(Kèm theo Nghị quyết số: **65** /NQ-HĐND ngày 07/03/2023 của UBND thành phố)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Đơn vị đề xuất chủ trương đầu tư	Tổng mức đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Bổ sung KHV đầu tư công trung hạn 2021-2025			Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh bổ sung			Ghi chú
				Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		Tổng cộng	Trong đó		
					NSTP	Huy động, khác			Tiền SD đất	NSTW bổ sung		Tiền SD đất	NSTW bổ sung	
	TỔNG CỘNG			91.360	91.273	87	7.200	84.073	28.373	55.700	91.273	35.573	55.700	
I	GIAO THÔNG			91.360	91.273	87	7.200	84.073	28.373	55.700	91.273	35.573	55.700	
1	Đường trục chính thôn 3, 4 và buôn Cư Mlim, xã Ea Kao (04 trục)	Xã Ea Kao	UBND xã Ea Kao	2.235	2.235			2.235	635	1.600	2.235	635	1.600	
2	Cải tạo, sửa chữa đường giao thông liên thôn Cao Thành đi Buôn H'Drat, xã Ea Kao	Xã Ea Kao	UBND xã Ea Kao	7.271	7.271			7.271	2.871	4.400	7.271	2.871	4.400	
3	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nội đồng thôn 2, thôn 3, xã Ea Kao	Xã Ea Kao	UBND xã Ea Kao	5.000	5.000			5.000	1.500	3.500	5.000	1.500	3.500	
4	Xây dựng đường giao thông trục chính nội đồng buôn Tơng Jú, xã Ea Kao	Xã Ea Kao	UBND xã Ea Kao	3.000	3.000			3.000	900	2.100	3.000	900	2.100	
5	Đường từ Buôn Krông A đi xã Hoà Thuận	Xã Ea Tu	UBND xã Ea Tu	4.200	4.200			4.200	1.300	2.900	4.200	1.300	2.900	
6	Đường giao thông nội đồng buôn Krông A, xã Ea Tu (02 trục)	Xã Ea Tu	UBND xã Ea Tu	7.321	7.321			7.321	2.921	4.400	7.321	2.921	4.400	
7	Đường giao thông thôn 12 đi buôn Kô Tam, xã Ea Tu	Xã Ea Tu	UBND xã Ea Tu	1.750	1.663	87	900	763	(437)	1.200	1.663	463	1.200	
8	Cải tạo, sửa chữa các trục đường buôn Ea Chu Kap, xã Hoà Thắng (03 trục)	Xã Hòa Thắng	UBND xã Hòa Thắng	5.500	5.500			5.500	2.200	3.300	5.500	2.200	3.300	
9	Đường trục chính Buôn Kom Leo nối dài, xã Hoà Thắng	Xã Hòa Thắng	UBND xã Hòa Thắng	7.040	7.040			7.040	2.840	4.200	7.040	2.840	4.200	
10	Đường trục chính nội đồng từ khu dân cư buôn Kom Leo đi khu sản xuất thôn 4 (02 trục)	Xã Hòa Thắng	UBND xã Hòa Thắng	2.500	2.500			2.500	700	1.800	2.500	700	1.800	
11	Đường trục chính nghĩa trang xã Hòa Thắng	Xã Hòa Thắng	UBND xã Hòa Thắng	8.000	8.000		3.500	4.500	(300)	4.800	8.000	3.200	4.800	
12	Đường giao thông 19B và 21B (thôn 6) đi khu sản xuất, chăn nuôi tập trung ra khu Tiểu thủ Công nghiệp xã Hòa Thuận	Xã Hòa Thuận	UBND xã Hòa Thuận	5.633	5.633			5.633	2.233	3.400	5.633	2.233	3.400	
13	Đường giao thông từ thôn 08 đi khu Khu chăn nuôi tập trung, xã Hòa Thuận - giai đoạn 1	Xã Hòa Thuận	UBND xã Hòa Thuận	4.000	4.000			4.000	1.600	2.400	4.000	1.600	2.400	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Đơn vị đề xuất chủ trương đầu tư	Tổng mức đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Bổ sung KHV đầu tư công trung hạn 2021-2025			Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh bổ sung			Ghi chú
				Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		Tổng cộng	Trong đó		
					NSTP	Huy động, khác			Tiền SD đất	NSTW bổ sung		Tiền SD đất	NSTW bổ sung	
14	Đường giao thông 23B và 3A nối dài, xã Hòa Thuận	Xã Hòa Thuận	UBND xã Hòa Thuận	3.900	3.900			3.900	1.600	2.300	3.900	1.600	2.300	
15	Đường giao thông 12KC thôn 01 (thôn Kiên Cường), di Nghĩa Trang và Khu chăn nuôi tập trung, xã Hòa Thuận	Xã Hòa Thuận	UBND xã Hòa Thuận	4.971	4.971			4.971	1.971	3.000	4.971	1.971	3.000	
16	Đường giao thông 5B, xã Hòa Thuận	Xã Hòa Thuận	UBND xã Hòa Thuận	2.054	2.054			2.054	654	1.400	2.054	654	1.400	
17	Đường giao thông 28B (từ đường 5B đến 31B), xã Hòa Thuận - giai đoạn 1	Xã Hòa Thuận	UBND xã Hòa Thuận	11.485	11.485			11.485	5.785	5.700	11.485	5.785	5.700	
18	Đường giao thông đi khu chăn nuôi tập trung xã Hòa Xuân	Xã Hòa Xuân	UBND xã Hòa Xuân	5.500	5.500		2.800	2.700	(600)	3.300	5.500	2.200	3.300	

Phụ lục 2c: BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN - DỰ ÁN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ, QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VÀ DỰ ÁN KHÁC
(Kèm theo Nghị quyết số: **65** /NQ-HĐND ngày 07/03/2023 của UBND thành phố)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Đơn vị đề xuất chủ trương đầu tư	Tổng mức đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Bổ sung KHV đầu tư công trung hạn 2021-2025			Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh bổ sung			Ghi chú
				Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		Tổng cộng	Trong đó		
					NSTP	Huy động, khác			Tiền SD đất	NSTW bổ sung		Tiền SD đất	NSTW bổ sung	
	TỔNG CỘNG			405.018	404.920	98	11.000	258.810	214.410	44.400	269.810	225.410	44.400	
I	GIAO THÔNG			318.428	318.428	-	-	183.318	183.318	-	183.318	183.318	-	
1	Cải tạo, nâng cấp đường Trần Khánh Dư (đoạn từ Trường Chinh đến Nguyễn Tất Thành)		Ban QLDA ĐTXD	1.325	1.325			1.325	1.325	-	1.325	1.325	-	
2	Sơn kẻ đường giao thông tuyến đường 10 tháng 3 và đường 30 tháng 4, thành phố Buôn Ma Thuột		Ban QLDA ĐTXD	9.993	9.993			9.993	9.993	-	9.993	9.993	-	
3	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông buôn M'rê - buôn Niêng (giai đoạn 1)	TP. Buôn Ma Thuột	Ban QLDA ĐTXD	285.110	285.110			150.000	150.000	-	150.000	150.000	-	
4	Nâng cấp, cải tạo các trục đường hẻm 145, 146 và 192 đường Nguyễn Chí Thanh, phường Tân An	Phường Tân An	UBND phường Tân An	10.000	10.000			10.000	10.000	-	10.000	10.000	-	
5	Cải tạo, sửa chữa đường Y Linh Niê KDâm, phường Tân Hòa	Phường Tân Hòa	UBND phường Tân Hòa	3.500	3.500			3.500	3.500	-	3.500	3.500	-	
6	Xử lý chống ngập khu vực Tổ dân phố 1, phường Tân Hòa	Phường Tân Hòa	UBND phường Tân Hòa	8.500	8.500			8.500	8.500	-	8.500	8.500	-	
II	QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC			20.050	19.952	98	-	19.952	6.552	13.400	19.952	6.552	13.400	
1	Hội trường Tổ dân phố 2, phường Thắng Lợi	Phường Thắng Lợi	UBND phường Thắng Lợi	1.950	1.852	98		1.852	452	1.400	1.852	452	1.400	
2	Cải tạo, sửa chữa nhà làm việc Công an các xã: Hòa Thuận, Cư Êbur và Ea Kao	Xã: Hòa Thuận, Cư Êbur và Ea Kao	Công an thành phố	3.000	3.000			3.000	800	2.200	3.000	800	2.200	
3	Nhà làm việc một cửa, phòng lưu trữ và thiết bị tại trụ sở UBND phường Tân Hoà	Phường Tân Hòa	UBND phường Tân Hòa	3.400	3.400			3.400	1.000	2.400	3.400	1.000	2.400	
4	Cải tạo, nâng cấp tường rào Ban chỉ huy quân sự thành phố Buôn Ma Thuột	Phường Thắng Lợi	BCHQS Thành phố	1.200	1.200			1.200	300	900	1.200	300	900	
5	Trụ sở UBND xã Ea Tu; Hạng mục: Xây mới Nhà làm việc một cửa, nhà xe, nhà vệ sinh và cải tạo một số HTKT khác	Xã Ea Tu	UBND xã Ea Tu	7.000	7.000			7.000	3.000	4.000	7.000	3.000	4.000	
6	Cải tạo một số hạng mục trên Điểm cao thao trường 559	Xã Cư Êbur	BCHQS Thành phố	3.500	3.500			3.500	1.000	2.500	3.500	1.000	2.500	
III	LĨNH VỰC KHÁC			65.324	65.324	-	11.000	54.324	23.324	31.000	65.324	34.324	31.000	
1	Công viên Buôn Ma Thuột; Hạng mục: Xây dựng khu trung tâm	Phường Thắng Lợi	Ban QLDA ĐTXD TP	7.000	7.000			7.000	2.500	4.500	7.000	2.500	4.500	
2	Hoa viên cây xanh khu dân cư phường Tân Hòa	Phường Tân Hòa	Ban QLDA ĐTXD	6.000	6.000		3.000	3.000	(600)	3.600	6.000	2.400	3.600	
3	Hoa viên cây xanh khu dân cư Buôn Pán Lãm, phường Tân Lập	Phường Tân Lập	Ban QLDA ĐTXD	2.000	2.000		1.000	1.000	(500)	1.500	2.000	500	1.500	
4	Hoa viên cây xanh khu đô thị mới Trung tâm phường Tân Lợi (khu dân cư đường Hà Huy Tập)	phường Tân Lợi	Ban QLDA ĐTXD	14.000	14.000		7.000	7.000	7.000	-	14.000	14.000	-	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Đơn vị đề xuất chủ trương đầu tư	Tổng mức đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Bổ sung KHV đầu tư công trung hạn 2021-2025			Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh bổ sung			Ghi chú
				Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		Tổng cộng	Trong đó		
					NSTP	Huy động, khác			Tiền SD đất	NSTW bổ sung		Tiền SD đất	NSTW bổ sung	
5	Nâng cấp, cải tạo Công viên Phù Đổng	Phường Tân An	Ban QLDA ĐTXD TP	14.974	14.974			14.974	7.574	7.400	14.974	7.574	7.400	
6	Cải tạo, tổ chức các nút giao để đảm bảo an toàn giao thông	Phường Tân An	Ban QLDA ĐTXD TP	14.900	14.900			14.900	4.900	10.000	14.900	4.900	10.000	
7	Cải tạo Hoa viên phường Thành Nhất	Phường Thành Nhất	Ban QLDA ĐTXD TP	6.450	6.450			6.450	2.450	4.000	6.450	2.450	4.000	
IV	QUY HOẠCH			1.216	1.216	-	-	1.216	1.216	-	1.216	1.216	-	
1	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu trung tâm xã Ea Kao, thành phố Buôn Ma Thuột	Xã Ea Kao	UBND xã Ea Kao	1.216	1.216			1.216	1.216	-	1.216	1.216	-	

Phụ lục 2d: BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN - DỰ ÁN GIÁO DỤC ĐIỀU CHỈNH VỐN HUY ĐỘNG

(Kèm theo Nghị quyết số: **65** /NQ-HĐND ngày 07/03/2023 của UBND thành phố)

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã duyệt	Bổ sung kế hoạch vốn trung hạn	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau bổ sung	Ghi chú	
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT						
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách TP					Huy động, khác
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	TỔNG CỘNG				99.025	95.643	3.382	95.643	3.382	99.025	
1	Trường Tiểu học Phan Đăng Lưu; Hạng mục: Nhà ăn, nhà bán trú và cải tạo nhà lớp học 08 phòng, sân trường	Phường Ea Tam	UBND phường Ea Tam	10249/QĐ-UBND - 15/12/2022	6.000	5.800	200	5.800	200	6.000	
2	Trường Tiểu học Nguyễn Bá Ngọc; Hạng mục: Nhà lớp học 08 phòng và 02 phòng chức năng	Phường Tân An	UBND phường Tân An	10247/QĐ-UBND - 15/12/2022	6.000	5.800	200	5.800	200	6.000	
3	Trường Tiểu học Kim Đồng; Hạng mục: Nhà lớp học 08 phòng và nhà ăn, nhà bán trú	Phường Tân Hòa	Ban QLDA ĐTXD TP		10.500	10.300	200	10.300	200	10.500	
4	Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng; Hạng mục: Cải tạo, sửa chữa sân, tường rào và khu giáo dục thể chất	Phường Khánh Xuân	UBND phường Khánh Xuân		1.050	1.000	50	1.000	50	1.050	
5	Trường Tiểu học Ngô Gia Tự; Hạng mục: Nhà lớp học 08 phòng	Phường Khánh Xuân	UBND phường Khánh Xuân		4.800	4.650	150	4.650	150	4.800	
6	Trường Tiểu học Trần Cao Vân; Hạng mục: Khu bếp ăn, nhà bán trú và cải tạo 05 phòng học	Phường Khánh Xuân	UBND phường Khánh Xuân		5.500	5.300	200	5.300	200	5.500	
7	Trường Tiểu học Trần Quốc Toản; Hạng mục: Nhà lớp học 08 phòng và sửa chữa nhà đa năng	Phường Tân Hòa	UBND phường Tân Hòa		5.500	5.300	200	5.300	200	5.500	
8	Trường Mầm non Tân Lập; HM: Nhà lớp học, phòng chức năng, dạy nhạc và hạ tầng kỹ thuật	Phường Tân Lập	UBND phường Tân Lập		7.150	7.000	150	7.000	150	7.150	
9	Trường THCS Đoàn Thị Điểm; Hạng mục: Nhà bộ môn 06 phòng	UBND phường Tân Thành	UBND phường Tân Thành		4.800	4.600	200	4.600	200	4.800	
10	Trường Tiểu học Trần Phú; Hạng mục: Nhà ăn, nhà lớp học 04 phòng	Phường Thành Công	UBND phường Thành Công		5.850	5.553	297	5.553	297	5.850	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã duyệt	Bổ sung kế hoạch vốn trung hạn	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau bổ sung	Ghi chú	
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT						
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách TP					Huy động, khác
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
11	Trường Tiểu học Hoàng Hoa Thám; Hạng mục: Nhà hiệu bộ và nhà lớp học 08 phòng	UBND phường Thành Nhất	UBND phường Thành Nhất		8.000	7.750	250	7.750	250	8.000	
12	Trường Tiểu học Nơ Trang Long; Hạng mục: Nhà lớp học 06 phòng	Xã Cư Êbur	UBND xã Cư Êbur		4.400	4.200	200	4.200	200	4.400	
13	Trường Tiểu học Bùi Thị Xuân; Hạng mục: Nhà ăn, nhà bán trú	Xã Hòa Khánh	UBND xã Hòa Khánh		5.000	4.750	250	4.750	250	5.000	
14	Trường THCS Hòa Khánh; Hạng mục: Nhà hiệu bộ	UBND xã Hòa Khánh	UBND xã Hòa Khánh		3.900	3.795	105	3.795	105	3.900	
15	Trường Tiểu học Y Wang; Hạng mục: Nhà hiệu bộ	UBND xã Hòa Khánh	UBND xã Hòa Khánh		3.600	3.420	180	3.420	180	3.600	
16	Trường Tiểu học Nguyễn Thị Minh Khai; Hạng mục: Nhà ăn, nhà bán trú và nhà lớp học 04 phòng	UBND xã Hòa Phú	UBND xã Hòa Phú		6.475	6.225	250	6.225	250	6.475	
17	Trường Tiểu học Nguyễn Du; Hạng mục: Nhà lớp học 08 phòng	Xã Hòa Thắng	UBND xã Hòa Thắng		4.800	4.700	100	4.700	100	4.800	
18	Trường Tiểu học Nguyễn Trãi; Hạng mục: Nhà ăn và nhà bán trú	UBND xã Hòa Thuận	UBND xã Hòa Thuận		5.700	5.500	200	5.500	200	5.700	
19	Trường Mầm non Hòa Xuân; Hạng mục: Nhà lớp học 04 phòng	UBND xã Hòa Xuân	UBND xã Hòa Xuân		3.400	3.245	155	3.245	155	3.400	